

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1036 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng
vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1618/SXD-QH ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của UBND huyện Yên Định).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô, lập quy hoạch

- Ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Yên Định với 26 đơn vị hành chính cấp xã (02 thị trấn và 24 xã), ranh giới lập quy hoạch cụ thể như sau:

- + Phía Bắc: Giáp các huyện Cẩm Thủy, Vĩnh Lộc;
- + Phía Nam: Giáp các huyện Thiệu Hóa, Thọ Xuân;
- + Phía Đông: Giáp các huyện Hà Trung, Hoằng Hóa;
- + Phía Tây: Giáp huyện Ngọc Lặc.

- Quy mô: Diện tích lập quy hoạch khoảng 228,83 km².

2. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch

2.1. Quan điểm:

- Tuân thủ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị.

- Tuân thủ các định hướng lớn về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; phù hợp với các quy hoạch cấp trên, các quy hoạch ngành, lĩnh vực; kế thừa các quy hoạch, đề án đã và đang triển khai trên địa bàn huyện.

- Phát huy các tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển kinh tế với các ngành có ưu thế như nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao gắn với tích tụ ruộng đất; công nghiệp hỗ trợ cho Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng; du lịch văn hóa lịch sử, du lịch sinh thái nông nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Phát triển hài hòa giữa các vùng trong huyện, cân bằng giữa đô thị và nông thôn, đảm bảo công bằng xã hội, hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận.

- Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với đảm bảo Quốc phòng, an ninh, giữ gìn môi trường, cảnh quan thiên nhiên đặc biệt là cảnh quan ven sông, các khu vực đồi núi, đảm bảo hài hòa với việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện.

2.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa các định hướng mới của tỉnh, các quy hoạch ngành của tỉnh trên địa bàn huyện, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện nhiệm

kỳ 2020-2025, làm căn cứ để triển khai các kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn 2021-2025 và các giai đoạn tiếp theo.

- Phát huy các tiềm năng lợi thế của huyện về nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và dịch vụ, truyền thống lịch sử, tiềm năng về con người, tranh thủ các thời cơ vận hội mới của tỉnh để đề ra các phương án phát triển vùng nhằm đưa huyện phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới.

- Rà soát, khớp nối các quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn huyện để đề xuất các nội dung điều chỉnh nếu có; làm cơ sở để triển khai các dự án đầu tư, lập điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch khu chức năng trong giai đoạn sắp tới, định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

- Xây dựng cấu trúc không gian vùng lãnh thổ, liên kết đô thị, điểm dân cư nông thôn, đảm bảo sự phát triển cân đối, hài hòa, ổn định, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa với việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện, liên kết chặt chẽ việc đảm bảo an ninh, quốc phòng.

3. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng

- Là vùng phát triển đa ngành lấy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ; dịch vụ và du lịch là định hướng phát triển ưu tiên.

- Là vùng có vai trò hỗ trợ phát triển cho các trung tâm động lực của tỉnh.

4. Yêu cầu lựa chọn chỉ tiêu và dự báo sơ bộ quy mô vùng

Cơ sở để dự báo quy mô phát triển vùng huyện dựa trên: Các điều kiện tự nhiên, tiềm năng đất đai và quỹ đất xây dựng; hiện trạng về phát triển kinh tế, những khu vực kinh tế chủ đạo của huyện và từng địa bàn; Tình hình đầu tư công nghiệp, dân cư và phát triển đô thị, phân bố công trình hạ tầng xã hội, tăng trưởng dân số, xây dựng và quản lý đô thị, nông thôn, vv...

4.1. Yêu cầu lựa chọn chỉ tiêu về hạ tầng xã hội & hạ tầng kỹ thuật:

- Các chỉ tiêu kỹ thuật tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2019/BXD ngày 31/12/2019.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống giao thông; Hệ thống chiếu sáng công cộng; Hệ thống thông tin liên lạc (hạ tầng kỹ thuật viễn thông); Hệ thống cấp nước; Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (XLNT); Hệ thống quản lý chất thải rắn (CTR); Hệ thống vệ sinh công cộng; Hệ thống nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa tang.

4.2. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số:

Dự báo sơ bộ về quy mô dân số và tỷ lệ đô thị hóa:

- Dân số toàn huyện năm 2019 khoảng 165.989 người, tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện đạt 10,9%.

- Dự báo đến năm 2030, dân số toàn huyện đạt khoảng 195.000 người, dân số đô thị khoảng 90.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 45%.

- Dự báo đến năm 2045, dân số toàn huyện đạt khoảng 250.000 người, dân số đô thị khoảng 165.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 65%.

4.3. Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai:

Dự báo đất xây dựng đô thị: tiêu chuẩn khoảng: 250-300 m²/người;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng: 1.060 ha-1.272 ha.

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 1.800 ha-2.160 ha;

- Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 2.800 ha-3.360 ha.

(Các dự báo sẽ được nghiên cứu cụ thể trong quá trình lập quy hoạch).

5. Nội dung yêu cầu nghiên cứu

Nội dung yêu cầu nghiên cứu đồ án quy hoạch xây dựng vùng thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, các yêu cầu cụ thể như sau:

5.1. Yêu cầu về phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng

- Phân tích, đánh giá tính kết nối giữa huyện Yên Định với các địa phương xung quanh, tính liên kết giữa các huyện trong vùng liên huyện số 2: Thọ Xuân, Yên Định, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, mối liên hệ giữa huyện với thành phố Thanh Hóa và các trung tâm động lực phát triển của tỉnh.

- Đánh giá tác động của các dự án lớn mang ý nghĩa cấp tỉnh và Quốc gia có liên quan đến địa bàn huyện như: dự án đường bộ cao tốc, tuyến đường nối QL 47-45-217, tuyến đường nối thành phố Thanh Hóa - Ngọc Lặc... đối với phát triển kinh tế xã hội của huyện. Rà soát các quy hoạch, đề án, dự án đang triển khai, tính hiệu quả, sự phù hợp để có định hướng điều chỉnh nếu có.

- Đánh giá về các điều kiện tự nhiên như: Địa hình địa mạo, khí hậu, thủy văn, địa chất công trình, các nguồn tài nguyên... xác định các khu vực có quỹ đất xây dựng thuận lợi.

- Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế xã hội như: dân số, lao động, thu nhập bình quân, tốc độ tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, hiện trạng sử dụng đất đai, tình hình phát triển đô thị, nông thôn... làm cơ sở để đưa ra các dự báo.

- Phân tích mô hình phát triển không gian hiện nay trên địa bàn huyện: hệ thống các tiểu vùng, các trung tâm, các hành lang phát triển; đặc điểm phân bố dân cư; các khu vực đô thị, nông thôn; các cơ sở kinh tế kỹ thuật chính (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại,...); hệ thống hạ tầng xã hội làm cơ sở để xác định cấu trúc phát triển không gian cho phù hợp.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, bao gồm: hiện trạng hệ thống giao thông từ đường huyện trở lên, hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý CTR, công nghệ xử lý nước thải, CTR của các đô thị, các khu công nghiệp, hiện trạng nghĩa trang, hiện trạng về tiêu thụ điện, nguồn điện và lưới điện, hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động, hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái...) và môi trường xã hội.

5.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng và hệ thống hạ tầng xã hội

- Định hướng phát triển không gian vùng huyện phải phù hợp với cấu trúc phát triển hiện nay của huyện trong đó lưu ý đến các khu vực dân cư phân bố tập trung dọc sông Mã, sông Cầu Chày, Cự Mã Giang để có các giải pháp kết nối không gian và hạ tầng kỹ thuật; Nghiên cứu phát triển không gian vùng huyện theo mô hình tập trung, trong đó xác định các vùng phát triển đô thị để tổ chức không gian và bố trí các khu chức năng, dành các quỹ đất còn lại để phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn.

- Nghiên cứu các hướng phát triển không gian gắn kết với các tuyến giao thông liên vùng đã được xác định trong quy hoạch như: tuyến nối QL47-45-217, tuyến đường Ngọc Lặc - TP Thanh Hóa; tuyến TP Thanh Hóa đi các xã Định Công, Định Thành; tuyến Lam Kinh - Thành Nhà Hồ. Tăng cường tính liên kết giữa các đô thị trong huyện, liên kết với các huyện xung quanh nhằm khắc phục sự chia cắt bởi hệ thống sông Mã, sông Cầu Chày.

- Đối với phân vùng phát triển: rà soát lại các vùng phát triển theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, đề xuất các vùng phát triển phù hợp với tiềm năng và lợi thế của từng khu vực trên cơ sở các khu vực trong từng vùng phải có sự tương đồng, tính liên kết, giao lưu, hỗ trợ. Xác định các vùng phát triển; hạn chế phát triển; các vùng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

- Đối với tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn: định hướng phát triển hệ thống đô thị phải đảm bảo các tiêu chuẩn về đơn vị hành chính và phân loại đô thị, có khả năng mở rộng và liên kết thuận lợi. Tổ chức hệ thống điểm dân cư nông thôn phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, hình thái định cư đặc trưng của vùng, nghiên cứu bố trí các trung tâm cụm xã gắn với các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho các tiểu vùng nếu có.

- Đối với các khu chức năng: rà soát cập nhật theo phương án quy hoạch của các ngành đang triển khai để tích hợp vào quy hoạch tỉnh, đề xuất các nội dung cần điều chỉnh và bổ sung nếu có trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển trên địa bàn huyện. Trong đó tập trung nghiên cứu các khu vực thuận lợi cho phát triển công nghiệp - TTCN, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp quy mô lớn.

- Đối với hệ thống các công trình hạ tầng xã hội: xác định quy mô và vị trí các công trình hạ tầng xã hội mang ý nghĩa cấp vùng huyện và vùng liên xã như: trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, nghệ thuật, y tế, TDTT...

- Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn huyện trong kỳ quy hoạch.

5.3. Yêu cầu về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng

- Về định hướng giao thông: trên cơ sở khung giao thông và các dự án đã và đang triển khai, đề xuất mô hình, cấu trúc giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông. Đối với giao thông nội huyện, lựa chọn khung giao thông để phát triển các khu vực mới và các đô thị dự kiến hình thành, tạo mối liên hệ hợp lý giữa đô thị với khu vực nông thôn. Tuân thủ vị trí đầu nối với Quốc lộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật: Phân tích, đánh giá về địa hình, cảnh bảo các vùng cấm và hạn chế xây dựng, xác định các khu vực thuận lợi xây dựng. Xác định các lưu vực, hướng thoát nước chính và các công trình tiêu thoát nước đầu mối. Các giải pháp giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Về định hướng quy hoạch cấp nước: Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị; trung tâm huyện lỵ. Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm.

- Về định hướng quy hoạch cấp điện: Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất, điều chỉnh lưới truyền tải điện và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo.

- Về định hướng phát triển hạ tầng viễn thông thụ động: Xác định mạng lưới, vị trí và quy mô các công trình hạ tầng viễn thông thụ động.

- Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang: Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và nghĩa trang cấp vùng huyện.

5.4. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm lớn (vùng đô thị, vùng công nghiệp, vùng khai thác khoáng sản...), các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng bảo tồn sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường của quy hoạch ở quy mô vùng (cấp nước vùng, giao thông vùng, xử lý chất thải liên đô thị, bảo vệ môi trường lưu vực sông...).

- Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phân bố đô thị, dân cư, các hoạt động kinh tế, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong vùng; nêu các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch. Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch xây dựng và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; dự báo, so sánh tác động môi trường của các phương án quy hoạch.

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các vùng bảo vệ môi trường (rừng phòng hộ, hành lang xanh, vùng di sản, lưu vực nguồn nước...).

6. Hồ sơ sản phẩm

6.1. Hồ sơ địa hình phục vụ lập quy hoạch

Sử dụng bản đồ địa hình tỉnh Thanh Hóa tỷ lệ 1/100.000 sẵn có để thực hiện bản đồ vị trí và mối quan hệ liên vùng;

Sử dụng bản đồ địa hình số tỷ lệ 1/25.000 và tỷ lệ 1/10.000 của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có hiệu chỉnh, bổ sung để thực hiện hồ sơ quy hoạch.

6.2. Hồ sơ quy hoạch

a) Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng, mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng tới vùng quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Các sơ đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: Xác định các vùng phát triển, bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển; tổ chức hệ thống các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn; phân bố, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; các vùng nghỉ ngơi du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: Giao thông, cao độ nền, thoát nước mặt, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

b) Phần văn bản gồm:

- Thuyết minh tổng hợp;
- Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định, quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

6.3. Yêu cầu về hồ sơ

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu theo tỉ lệ;

- Số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định tùy theo yêu cầu của hội nghị.

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 08 bộ in màu theo tỷ lệ, kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in khổ A0 (chủ đầu tư, các cơ quan thẩm định, quản lý), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung bản vẽ và các văn bản liên quan.

7. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí lập quy hoạch: Giao UBND huyện Yên Định tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán lập quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nguồn vốn lập quy hoạch: Nguồn vốn lập quy hoạch do UBND huyện Yên Định chủ động bố trí đảm bảo quy định.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Cơ quan Chủ đầu tư và trình hồ sơ: UBND huyện Yên Định.

- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.

- Thời gian thực hiện đồ án quy hoạch: Trước ngày 30/9/2021 (theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 17478/UBND-CN ngày 16/12/2020).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Yên Định; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2021)QDPD_NV QHVVH Yên Định

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm